

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 322/TTr-STNMT ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc dự thảo Quyết định ban hành quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 5253/STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Quyết định ban hành quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 và bãi bỏ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và thẩm

quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTN. (36 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



QUY ĐỊNH

VỀ THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 33 /2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyên tải, lưu trữ, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây sự cố tràn dầu; chủ dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở, cảng, bến thủy nội địa có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương II

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh đối với các trường hợp sau:

a) Các cơ sở trên địa bàn tỉnh có đăng ký tại Đồng Nai về hoạt động kinh doanh, sản xuất, vận chuyển, chuyên tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên sông, hồ hoặc trên đất liền trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Quy định này.

b) Các cơ sở có hoạt động về kinh doanh, sản xuất, vận chuyển, chuyên tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu vừa có một phần hoạt động trên sông, một phần hoạt động trên đất liền gây ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu trên sông, trên đất liền.

c) Các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức trung bình trở lên (từ 20 m³ trở lên).

d) Các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m³, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m³, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, báo cáo cơ quan chủ quản thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn huyện đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ (dưới 20 m³) trên đất liền và các bến thủy nội địa trên sông, hồ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Chương III

THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 4. Thời điểm lập, trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Đối với các dự án mới, kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được lập sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt/xác nhận thủ tục môi trường. Chủ dự án trình nộp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 2, Điều 3 Quy định này để thẩm định và phê duyệt.

2. Đối với dự án đã đi vào hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và trình cấp thẩm quyền phê duyệt (*trừ các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở trước đó*).

3. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở đã được phê duyệt phải được cập nhật, bổ sung định kỳ hằng năm khi có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung kế hoạch; khi có những thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong kế hoạch thì phải lập lại kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Hình thức thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức trung bình trở lên (từ 20 m³ trở lên) có vị trí trên đất liền: Thẩm định hồ sơ bằng hình thức gửi cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

2. Đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ (dưới 20 m³) trên đất liền và các bến thủy nội địa trên sông, hồ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu: Thẩm định hồ sơ bằng hình thức gửi cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

3. Đối với các cơ sở có hoạt động về kinh doanh, sản xuất, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu ở mức trung bình trở lên (từ 20 m³ trở lên) vừa có một phần hoạt động trên sông, một phần hoạt động trên đất liền (Cảng, bến thủy nội địa): Thẩm định hồ sơ thông qua họp Hội đồng thẩm định. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm, không được tập trung đông người, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện bằng hình thức gửi cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Điều 6. Trình tự thủ tục, thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được quy định như sau:

a) Thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thông qua hội đồng:

Cơ quan thẩm định ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, gửi quyết định thành lập Hội đồng kèm theo tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đến từng thành viên hội đồng;

b) Thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thông qua việc lấy ý kiến:

- Cơ quan thẩm định hoặc cơ quan thường trực thẩm định được ủy quyền gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án.

- Thông báo kết quả thẩm định.

3. Thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

a) Đối với kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trong thời hạn 20 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

b) Đối với kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, trong thời hạn 15 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 7. Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Cơ cấu của Hội đồng thẩm định được tổ chức bao gồm: một (01) Chủ tịch, một (01) thư ký và các thành viên của Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định tối thiểu có bảy (07) thành viên; trường hợp cần thiết, có thêm một Phó Chủ tịch Hội đồng. Trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định: Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo phòng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ.
- Thư ký Hội đồng thẩm định: Công chức của phòng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ.
- Thành viên Hội đồng thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở, dự án và cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (sau đây gọi chung là hội đồng thẩm định) có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng thẩm định, giữa hội đồng thẩm định với chủ dự án theo hình thức tổ chức phiên họp.

4. Phiên họp của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sự tham gia (hiện diện trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) từ 2/3 số lượng thành viên hội đồng thẩm định trở lên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền (sau đây gọi chung là người chủ trì phiên họp), ủy viên thư ký;

b) Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án;

c) Nội dung và trình tự phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tình hình cụ thể của dự án và sau khi tham khảo ý kiến của các thành viên Hội đồng, nhưng phải bao gồm những phần chính và theo trình tự sau đây:

- Chủ dự án (hoặc cơ quan tư vấn được chủ dự án ủy quyền) trình bày nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở.
- Phần hỏi đáp những vấn đề chưa rõ (nếu có).
- Các thành viên trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

- Các thành viên Hội đồng, các đại biểu được mời tham dự và chủ dự án tiến hành trao đổi ý kiến, thảo luận.

- Trong trường hợp cần thiết, sau phần trao đổi và thảo luận công khai, Hội đồng tiến hành họp riêng để tiếp tục thảo luận và thống nhất về những kết luận để công bố.

- Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.

- Chủ dự án bày tỏ ý kiến của mình sau khi nghe kết luận của Hội đồng.

5. Các thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt phải gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng nhưng không được tham gia bỏ phiếu.

6. Đại biểu tham gia cuộc họp của hội đồng thẩm định do cơ quan thường trực thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết. Đại biểu tham gia được phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của hội đồng thẩm định, chịu sự điều hành của người chủ trì phiên họp.

7. Chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng và ủy viên thư ký hội đồng có trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng.

8. Các ủy viên hội đồng thẩm định và cơ quan, tổ chức được xin ý kiến chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đưa ra đối với kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và những nội dung công việc được chủ tịch hội đồng phân công trong quá trình thẩm định.

9. Nguyên tắc đưa ra kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Khi tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Không thông qua: Khi có trên 1/3 số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua;

c) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Điều 8. Tổ chức việc thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thông qua lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến bao gồm:

a) Đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến bao gồm Công an tỉnh, Sở Công thương, UBND cấp huyện nơi dự án hoạt động, Ban Quản lý các khu công nghiệp (nếu dự án nằm trong khu công nghiệp), một số Sở, ngành và tổ chức có liên quan đến dự án cần thẩm định.

b) Đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt: Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến bao gồm Công an huyện, UBND cấp xã nơi dự án hoạt động, Ban Quản lý các khu công nghiệp

(nếu dự án nằm trong khu công nghiệp), một số Phòng, ban và tổ chức có liên quan đến dự án cần thẩm định.

2. Cơ quan thẩm định gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này sau khi có quyết định phê duyệt danh sách cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

3. Trong thời hạn 07 ngày đối với hồ sơ cấp tỉnh và 05 ngày đối với hồ sơ cấp huyện, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản cho cơ quan lấy ý kiến thẩm định. Nếu sau thời hạn nêu trên, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đồng ý và chịu trách nhiệm về những nội dung lấy ý kiến có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình (nếu có).

4. Công chức của cơ quan thẩm định và lãnh đạo của cơ quan thẩm định có trách nhiệm ký biên bản thẩm định theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đưa ra đối với kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

6. Sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất kết quả trong biên bản thẩm định trình Thủ trưởng cơ quan thẩm định xem xét, quyết định. Kết quả thẩm định được đưa ra trên nguyên tắc quy định tại khoản 9 Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Yêu cầu chủ dự án cung cấp bổ sung các tài liệu và làm rõ các nội dung liên quan trong trường hợp cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả của hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định thông qua việc lấy ý kiến và ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức, chuyên gia trong trường hợp cần thiết trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc thẩm định. Báo cáo kết quả thẩm định phải đề xuất theo một trong ba trường hợp sau đây:

a) Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung. Trong trường hợp này, cơ quan thẩm định trình kèm theo quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án;

b) Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, cơ quan thẩm định trình kèm theo văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi chủ dự án để chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình;

c) Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu không thông qua và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này, cơ quan thường trực thẩm định trình kèm theo văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Tổ chức rà soát nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau khi được chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và đề xuất xử lý theo các trường hợp sau:

a) Trả lại chủ dự án hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nếu chủ dự án chưa chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình theo yêu cầu;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án trong trường hợp chủ dự án đã chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo yêu cầu.

Điều 10. Quản lý Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Các Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thẩm định phải gửi cho các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan về nội dung thực hiện để phối hợp triển khai theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quy định trong Kế hoạch.

2. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, chủ cơ sở phải đảm bảo đúng các yêu cầu trong quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

3. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lưu trữ tại cơ sở và phải trình cho các cơ quan quản lý khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

4. Kịp thời báo cáo sự cố tràn dầu xảy ra; định kỳ hàng năm (trước 15/12) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về đơn vị đã thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan Thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Phổ biến, hướng dẫn và triển khai Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh:

a) Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các sở, ban, ngành liên quan, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, hướng dẫn và tham gia thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý.
2. Tham gia Hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở theo phân cấp tại Quy định này; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu quy định tại Điều 4 của Quy định này trên địa bàn theo quy định; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở tại địa phương.
2. Định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12), báo cáo tình hình kết quả thực hiện Quy định này về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở

1. Cơ sở phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được phê duyệt, sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.
2. Hàng năm phải có kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó. Định kỳ tối thiểu 06 tháng một lần phải triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.
3. Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của cơ sở theo quy định; trong trường hợp cơ sở chưa có đủ khả năng tự ứng phó, phải ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị thích hợp để triển khai khi có tình huống.
4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.
5. Phải có cam kết bảo đảm tài chính để bồi thường, chi phí ứng phó, mọi thiệt hại về kinh tế, tổn thất về môi trường do ô nhiễm dầu do cơ sở gây ra. Cam kết bảo đảm tài chính phải thể hiện trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6. Trường hợp có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung kế hoạch thì phải cập nhật bổ sung và cập nhật định kỳ hàng năm; khi có những thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong kế hoạch thì phải lập lại kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
7. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lưu trữ tại cơ sở.
8. Kịp thời báo cáo sự cố tràn dầu xảy ra, định kỳ hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 16. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quy định này trên địa bàn tỉnh. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết./.

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ
TRẦN DẦU CẤP CƠ SỞ

KẾ HOẠCH
Ứng phó sự cố tràn dầu của.....
Bản đồ tỷ lệ: 1/5000

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:
2. Yêu cầu:

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên (nêu ngắn gọn vị trí địa lý, khí tượng, thủy văn trong phạm vi địa bàn cơ sở hoạt động).
 2. Tính chất, quy mô đặc điểm của cơ sở (Tính chất, quy mô, công nghệ của cơ sở).
 3. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tràn dầu hiện có của cơ sở (quân số, trang thiết bị ứng phó, lực lượng phương tiện tham gia phối hợp).
 4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao: dự kiến từ 2 - 3 khu vực.
- * Kết luận: Khả năng ứng phó của cơ sở ở mức độ nào.

III. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo: “ Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.
2. Nguyên tắc ứng phó
 - Tiếp nhận thông tin đánh giá, kết luận cụ thể, rõ ràng, chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ứng phó sát, đúng, phát huy sức mạnh tổng hợp theo phương châm 4 tại chỗ ứng phó kịp thời hiệu quả;
 - Báo cáo kịp thời theo quy định;
 - Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó sự cố tràn dầu, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường;
 - Đảm bảo an toàn cho người, phương tiện trước, trong sau ứng phó khắc phục hậu quả;
 - Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó.
3. Biện pháp ứng phó

- Thông báo, báo động;
- Tổ chức ngăn chặn;
- Tổ chức khắc phục hậu quả.

4. Tổ chức sử dụng lực lượng

- Lực lượng thông báo, báo động;
- Lực lượng tại chỗ;
- Lực lượng tăng cường;
- Lực lượng khắc phục hậu quả;
- Ứng phó trên đất liền và ven bờ biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường;

- Ứng phó trên biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường.

IV. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG TRÀN DẦU, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Trên đất liền

a) Tình huống: (Nêu tình huống giả định xảy ra 01 kho trạm)

b) Biện pháp xử lý:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố...
- Vận hành cơ chế hợp Ban Chỉ huy ứng phó sự cố...
- Thiết lập Ban Chỉ huy tại hiện trường để chỉ huy tổ chức ứng phó...
- Tổ chức lực lượng ứng phó sự cố....

2. Trên biển (tương tự như trên đất liền)

a) Tình huống

b) Biện pháp xử lý

V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Lãnh đạo chỉ huy cơ sở (nêu nhiệm vụ trong chỉ huy, chỉ đạo công tác ứng phó).

2. Lực lượng tiếp nhận cấp phát.

3. Lực lượng tuần tra canh gác, bảo vệ.

4. Các ban ngành của cơ sở.

5. Phối hợp với các đoàn thể, xã hội và ban, ngành của địa phương.

6. Công tác đào tạo, diễn tập: Xây dựng kế hoạch đào tạo, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu.

7. Cập nhật kế hoạch triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo.

VI. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Thông tin liên lạc

- Bảo đảm thông tin cho chỉ huy chỉ đạo;
- Bảo đảm thông tin liên lạc cho lực lượng ứng phó, khắc phục hậu quả.

2. Bảo đảm trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu

- Do đơn vị tự trang bị;
- Ký kết hợp đồng với các đơn vị có khả năng ứng phó sự cố.

3. Bảo đảm vật chất cho các đơn vị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả.

4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn.

VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY

Chủ cơ sở trực tiếp chỉ huy.